

**THÔNG BÁO**  
**Kết luận cuộc họp Hội đồng xét nâng lương đợt 2, năm 2023**

Căn cứ các quy định hiện hành về việc thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên đối với viên chức và người lao động; chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với viên chức.

Ngày 05/7/2023, Hội đồng xét nâng lương Trường Đại học Vinh năm 2023 (sau đây viết tắt là Hội đồng) đã họp, thống nhất các nội dung liên quan và danh sách các viên chức, người lao động đủ điều kiện, tiêu chuẩn để được nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 1, năm 2023, cụ thể như sau:

**1. Nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV, ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 04/2005/TT-BNV, ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 03/2021/TT-BNV, ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Quyết định số 1611/QĐ-ĐHV ngày 19/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh.

Hội đồng căn cứ các tiêu chuẩn, điều kiện, kết quả đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, người lao động hàng năm và kết quả đánh giá thi đua cá nhân để xem xét, đề nghị Hiệu trưởng quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 2, năm 2023 đối với các viên chức và người lao động có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

**2. Nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo, Hội đồng thống nhất danh sách các nhà giáo đủ điều kiện nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 2 năm 2023 như sau (có danh sách kèm theo).

Để đảm bảo quyền lợi cho viên chức và người lao động, Nhà trường yêu cầu Trưởng các đơn vị phối hợp với Chủ tịch Công đoàn bộ phận phổ biến các nội dung trên đến toàn thể viên chức và người lao động trong đơn vị được biết, kiểm tra, đối chiếu. Nếu có nội dung cần bổ sung chỉnh sửa, đề nghị đơn vị gửi văn bản về Phòng Tổ chức Cán bộ (trực tiếp TS. Phạm Đình Mạnh, điện thoại: 0917.128252) trước ngày 14/7/2023. Sau thời gian này, mọi kiến nghị, phản ánh sẽ được xem xét, giải quyết vào kỳ họp tiếp theo của Hội đồng xét nâng lương./.

**Nơi nhận:**

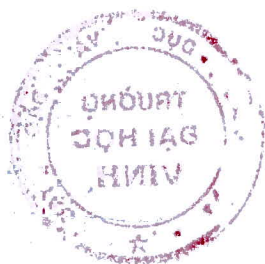
- Các đơn vị trong trường;
- Đảng ủy, Ban Giám hiệu (để b/c);
- Công đoàn Trường (để p/h);
- Lưu HCTH, TCCB.



**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CHỨC CÁN BỘ**



**TS. Thiệu Đình Phong**



**DANH SÁCH VIÊN CHỨC**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 2, NĂM 2023**  
(Kèm theo Thông báo số: **110** /TB-ĐHV, ngày **06** tháng **7** năm 2023)

| TT       | Họ và tên                                                           | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn | Mã số chức danh nghề nghiệp/Ngạch lương, bậc lương, hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung hiện hưởng |           |             |                        |            | Mã số chức danh nghề nghiệp/Ngạch lương, bậc lương, hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung mới |           |             |                        |                |                                   |                             | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------|----------|------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|----------------|-----------------------------------|-----------------------------|---------|
|          |                                                                     | Nam      | Nữ   |                     | Mã số chức danh nghề nghiệp/Mã ngạch                                                                     | Bậc lương | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên VK | Ngày hưởng | Mã số chức danh nghề nghiệp/Mã ngạch                                                              | Bậc lương | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên VK | Chênh lệch HSL | Số tháng được hưởng mức lương mới | Mốc tính nâng lương lần sau |         |
| 1        | 2                                                                   | 3        | 4    | 5                   | 6                                                                                                        | 7         | 8           | 9                      | 10         | 11                                                                                                | 12        | 13          | 14                     | 15             | 16                                | 17                          | 18      |
| <b>I</b> | <b>Danh sách viên chức đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên</b> |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                                                                                   |           |             |                        |                |                                   |                             |         |
|          | <b>Khoa Sư phạm Ngoại ngữ</b>                                       |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                                                                                   |           |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 1        | Đinh Thị Mai Anh                                                    |          | 1990 | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 3         | 3,00        | 0                      | 01/06/2020 | V.07.01.03                                                                                        | 4         | 3,33        |                        | 0,33           | 1                                 | 01/06/2023                  |         |
| 2        | Nguyễn Văn Anh                                                      |          | 1994 | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 2         | 2,67        | 0                      | 15/05/2020 | V.07.01.03                                                                                        | 3         | 3,00        |                        | 0,33           | 2                                 | 15/05/2023                  |         |
| 3        | Trần Thị Ngọc Yến                                                   |          | 1980 | Tiến sĩ             | V.07.01.01                                                                                               | 1         | 6,20        | 0                      | 14/04/2020 | V.07.01.01                                                                                        | 2         | 6,56        |                        | 0,36           | 3                                 | 14/04/2023                  |         |
|          | <b>Khoa Xây dựng</b>                                                |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                                                                                   |           |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 4        | Nguyễn Thị Thu Hiền                                                 |          | 1985 | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 3         | 3,00        | 0                      | 04/05/2020 | V.07.01.03                                                                                        | 4         | 3,33        |                        | 0,33           | 2                                 | 04/05/2023                  |         |
| 5        | Phan Xuân Thục                                                      | 1991     |      | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 2         | 2,67        | 0                      | 15/05/2020 | V.07.01.03                                                                                        | 3         | 3,00        |                        | 0,33           | 2                                 | 15/05/2023                  |         |
| 6        | Hồ Viết Chương                                                      | 1980     |      | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 6         | 3,99        | 0                      | 01/12/2019 | V.07.01.03                                                                                        | 7         | 4,32        |                        | 0,33           | 1                                 | 01/06/2023                  |         |
|          | <b>Phòng Hành chính Tổng hợp</b>                                    |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                                                                                   |           |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 7        | Hoàng Thị Thu Hường                                                 |          | 1979 | Thạc sĩ             | 01.003                                                                                                   | 7         | 4,32        | 0                      | 01/05/2020 | 01.003                                                                                            | 8         | 4,65        |                        | 0,33           | 2                                 | 01/05/2023                  |         |
|          | <b>Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế</b>                            |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                                                                                   |           |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 8        | Phạm Thị Quỳnh Nga                                                  |          | 1981 | Thạc sĩ             | 01.003                                                                                                   | 5         | 3,66        | 0                      | 01/06/2020 | 01.003                                                                                            | 6         | 3,99        |                        | 0,33           | 1                                 | 01/06/2023                  |         |
|          | <b>Phòng Quản trị và Đầu tư</b>                                     |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                                                                                   |           |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 9        | Hoàng Ngọc Dũng                                                     | 1987     |      | Đại học             | 13.096                                                                                                   | 6         | 2,86        | 0                      | 01/06/2021 | 13.096                                                                                            | 7         | 3,06        |                        | 0,20           | 1                                 | 01/06/2023                  |         |
| 10       | Nguyễn Thị Như Hoa                                                  |          | 1981 | Đại học             | 13.096                                                                                                   | 6         | 2,86        | 0                      | 02/04/2021 | 13.096                                                                                            | 7         | 3,06        |                        | 0,20           | 3                                 | 02/04/2023                  |         |
|          | <b>Phòng Tổ chức cán bộ</b>                                         |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                                                                                   |           |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 11       | Nguyễn Thị Thương                                                   |          | 1990 | Thạc sĩ             | 01.003                                                                                                   | 3         | 3,00        | 0                      | 10/04/2020 | 01.003                                                                                            | 4         | 3,33        |                        | 0,33           | 3                                 | 10/04/2023                  |         |

| 1  | 2                                                     | 3    | 4    | 5       | 6          | 7  | 8    | 9 | 10         | 11         | 12 | 13   | 14 | 15   | 16 | 17         | 18 |
|----|-------------------------------------------------------|------|------|---------|------------|----|------|---|------------|------------|----|------|----|------|----|------------|----|
|    | <b>Trung tâm Đảm bảo chất lượng</b>                   |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 12 | Lê Việt Dũng                                          | 1980 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 7  | 4,32 | 0 | 01/04/2020 | 01.003     | 8  | 4,65 |    | 0,33 | 3  | 01/04/2023 |    |
| 13 | Nguyễn Mai Phương                                     |      | 1985 | Thạc sĩ | 01.003     | 4  | 3,33 | 0 | 02/04/2020 | 01.003     | 5  | 3,66 |    | 0,33 | 3  | 02/04/2023 |    |
|    | <b>Trung tâm Nội trú</b>                              |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 14 | Trần Châu Thành                                       | 1971 |      | Đại học | 01.003     | 7  | 4,32 | 0 | 01/04/2020 | 01.003     | 8  | 4,65 |    | 0,33 | 3  | 01/04/2023 |    |
|    | <b>Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào</b> |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 15 | Hoàng Thị Nga                                         |      | 1979 | Đại học | 17.170     | 6  | 3,99 | 0 | 15/06/2020 | 17.170     | 7  | 4,32 |    | 0,33 | 1  | 15/06/2023 |    |
|    | <b>Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm</b>               |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 16 | Lê Thị Thu Hiệp                                       |      | 1983 | Thạc sĩ | 01.003     | 4  | 3,33 | 0 | 01/04/2020 | 01.003     | 5  | 3,66 |    | 0,33 | 3  | 01/04/2023 |    |
| 17 | Nguyễn Thị Hoài Phương                                |      | 1980 | Thạc sĩ | 13.096     | 10 | 3,66 | 0 | 01/06/2021 | 13.096     | 11 | 3,86 |    | 0,20 | 1  | 01/06/2023 |    |
|    | <b>Trường Kinh tế</b>                                 |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 18 | Nguyễn Mai Hường                                      |      | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0 | 08/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 08/06/2023 |    |
| 19 | Lương Thị Quỳnh Mai                                   |      | 1990 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 20 | Hoàng Thị Cẩm Thương                                  |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 4  | 3,33 | 0 | 05/04/2020 | V.07.01.03 | 5  | 3,66 |    | 0,33 | 3  | 05/04/2023 |    |
|    | <b>Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn</b>             |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 21 | Nguyễn Thanh Hải                                      |      | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 2  | 2,67 | 0 | 15/05/2020 | V.07.01.03 | 3  | 3,00 |    | 0,33 | 2  | 15/05/2023 |    |
| 22 | Nguyễn Thị Mai Anh                                    |      | 1992 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 23 | Bùi Hạnh Phúc                                         |      | 1995 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 2  | 2,67 | 0 | 15/05/2020 | V.07.01.03 | 3  | 3,00 |    | 0,33 | 2  | 15/05/2023 |    |
| 24 | Đoàn Minh Trang                                       |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 2  | 2,67 | 0 | 15/05/2020 | V.07.01.03 | 3  | 3,00 |    | 0,33 | 2  | 15/05/2023 |    |
| 25 | Cao Thị Ngọc Yến                                      |      | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 26 | Nguyễn Thị Phương Thảo                                |      | 1992 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
|    | <b>Trường Sư phạm</b>                                 |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 27 | Nguyễn Thị Kim Chi                                    |      | 1992 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 2  | 2,67 | 0 | 15/05/2020 | V.07.01.03 | 3  | 3,00 |    | 0,33 | 2  | 15/05/2023 |    |
| 28 | Dương Thị Mai Hoa                                     |      | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 2  | 2,67 | 0 | 15/05/2020 | V.07.01.03 | 3  | 3,00 |    | 0,33 | 2  | 15/05/2023 |    |
| 29 | Trần Thị Thúy Nga                                     |      | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 3,99 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 7  | 4,32 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 30 | Phan Anh Tuấn                                         | 1990 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 31 | Thái Mạnh Thủy                                        | 1978 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 3,99 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 7  | 4,32 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 32 | Nguyễn Thị Diễm Hằng                                  |      | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 3,99 | 0 | 01/05/2020 | V.07.01.03 | 7  | 4,32 |    | 0,33 | 2  | 01/05/2023 |    |
| 33 | Trần Thị Ly Na                                        |      | 1985 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 5  | 3,66 | 0 | 01/04/2020 | V.07.01.03 | 6  | 3,99 |    | 0,33 | 3  | 01/04/2023 |    |
| 34 | Nguyễn Đình Nhâm                                      | 1959 |      | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 5  | 7,64 | 0 | 01/01/2020 | V.07.01.01 | 6  | 8,00 |    | 0,36 | 6  | 01/01/2023 |    |
| 35 | Nguyễn Thị Việt                                       |      | 1985 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 4  | 3,33 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 5  | 3,66 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 36 | Đậu Hồng Quân                                         | 1989 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0 | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 37 | Phan Huy Hà                                           | 1982 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 5  | 3,66 | 0 | 01/11/2019 | V.07.01.03 | 6  | 3,99 |    | 0,33 | 2  | 01/05/2023 |    |
|    | <b>Trường TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm</b>       |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |

| 1         | 2                                                                         | 3    | 4    | 5       | 6          | 7  | 8    | 9  | 10         | 11         | 12 | 13   | 14 | 15   | 16 | 17         | 18 |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------|------|------|---------|------------|----|------|----|------------|------------|----|------|----|------|----|------------|----|
| 38        | Nguyễn Tân Cảnh                                                           | 1973 |      | Đại học | 13.096     | 5  | 2,66 | 0  | 01/05/2021 | 13.096     | 6  | 2,86 |    | 0,20 | 2  | 01/05/2023 |    |
| 39        | Nguyễn Thị Thanh Trà                                                      |      | 1992 | Đại học | 06.031     | 2  | 2,67 | 0  | 08/06/2020 | 06.031     | 3  | 3,00 |    | 0,33 | 1  | 08/06/2023 |    |
| 40        | Nguyễn Khánh Nam                                                          | 1979 |      | Thạc sĩ | V.07.04.32 | 7  | 4,32 | 0  | 01/05/2020 | V.07.04.32 | 8  | 4,65 |    | 0,33 | 2  | 01/05/2023 |    |
|           | <b>Trường THPT Chuyên</b>                                                 |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 41        | Lê Thị Hiền Anh                                                           |      | 1980 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 6  | 3,99 | 0  | 15/05/2020 | V.07.05.15 | 7  | 4,32 |    | 0,33 | 2  | 15/05/2023 |    |
| 42        | Trần Thị Thủy                                                             |      | 1978 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 2  | 4,34 | 0  | 01/05/2020 | V.07.05.14 | 3  | 4,68 |    | 0,34 | 2  | 01/05/2023 |    |
| 43        | Phan Viết Bắc                                                             | 1981 |      | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 1  | 4,00 | 0  | 01/12/2019 | V.07.05.14 | 2  | 4,34 |    | 0,34 | 1  | 01/06/2023 |    |
|           | <b>Viện Kỹ thuật và Công nghệ</b>                                         |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 44        | Nguyễn Thị Kim Thu                                                        |      | 1981 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 5  | 3,66 | 0  | 01/10/2019 | V.07.01.03 | 6  | 3,99 |    | 0,33 | 3  | 01/04/2023 |    |
|           | <b>Viện Nông nghiệp và Tài nguyên</b>                                     |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 45        | Nguyễn Thị Thúy Hà                                                        |      | 1991 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0  | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 46        | Nguyễn Thị Thanh Mai                                                      |      | 1981 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 3,99 | 0  | 15/06/2020 | V.07.01.03 | 7  | 4,32 |    | 0,33 | 1  | 15/06/2023 |    |
| 47        | Hoàng Anh Thế                                                             | 1984 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0  | 01/06/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 1  | 01/06/2023 |    |
| 48        | Hoàng Thị Thủy                                                            |      | 1991 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 2  | 2,67 | 0  | 15/05/2020 | V.07.01.03 | 3  | 3,00 |    | 0,33 | 2  | 15/05/2023 |    |
|           | <b>Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến</b>                              |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 49        | Võ Đức Quang                                                              | 1987 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3,00 | 0  | 04/05/2020 | V.07.01.03 | 4  | 3,33 |    | 0,33 | 2  | 04/05/2023 |    |
| 50        | Lê Tiến Thành                                                             | 1978 |      | Thạc sĩ | 13.096     | 9  | 3,46 | 0  | 01/06/2021 | 13.096     | 10 | 3,66 |    | 0,20 | 1  | 01/06/2023 |    |
| <b>II</b> | <b>Danh sách viên chức đủ điều kiện nâng phụ cấp thâm niên vượt khung</b> |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
|           | <b>Trạm Y tế</b>                                                          |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 51        | Nguyễn Hoàng Hà                                                           | 1973 |      | THCN    | 16.119     | 12 | 4,06 | 8  | 01/06/2022 | 16.119     | 12 | 4,06 | 9  | 0,00 | 1  | 01/06/2023 |    |
|           | <b>Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm</b>                                   |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 52        | Lê Thị Dung                                                               |      | 1976 | Thạc sĩ | 13.096     | 12 | 4,06 | 8  | 01/04/2022 | 13.096     | 12 | 4,06 | 9  | 0,00 | 3  | 01/04/2023 |    |
| 53        | Nguyễn Lê Thăng                                                           | 1978 |      | Tiến sĩ | 13.096     | 12 | 4,06 | 8  | 13/05/2022 | 13.096     | 12 | 4,06 | 9  | 0,00 | 2  | 13/05/2023 |    |
|           | <b>Ban quản lý Cơ sở II</b>                                               |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 54        | Nguyễn Đình Lương                                                         | 1971 |      | THCN    | 01.011     | 12 | 3,48 | 15 | 01/06/2022 | 01.011     | 12 | 3,48 | 16 | 0,00 | 1  | 01/06/2023 |    |

(Danh sách gồm có 54 người) 



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 2, NĂM 2023**  
(Kèm theo Thông báo số: **110** /TB-ĐHV, ngày **06** tháng **7** năm 2023)

| TT | Họ và tên                                                            | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn | Mã số chức danh nghề nghiệp/Ngạch lương, bậc lương, hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung hiện hưởng |           |             |                        |            | Mã số chức danh nghề nghiệp/Ngạch lương, bậc lương, hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung mới |           |             |                        |                |                                   |                             | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------|----------|------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|----------------|-----------------------------------|-----------------------------|---------|
|    |                                                                      | Nam      | Nữ   |                     | Mã số chức danh nghề nghiệp/Mã ngạch                                                                     | Bậc lương | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên VK | Ngày hưởng | Mã số chức danh nghề nghiệp/Mã ngạch                                                              | Bậc lương | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên VK | Chênh lệch HSL | Số tháng được hưởng mức lương mới | Mốc tính nâng lương lần sau |         |
| 1  | 2                                                                    | 3        | 4    | 5                   | 6                                                                                                        | 7         | 8           | 9                      | 10         | 11                                                                                                | 12        | 13          | 14                     | 15             | 16                                | 17                          | 18      |
| I  | Danh sách lao động hợp đồng đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                                                                                   |           |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 1  | Dương Đức Ánh                                                        | 1990     |      | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 2         | 2,67        | 0                      | 01/06/2020 | V.07.01.03                                                                                        | 3         | 3,00        |                        | 0,33           | 1                                 | 01/06/2023                  |         |
| 2  | Đinh Thị Dung                                                        |          | 1985 | THCN                | 13.096                                                                                                   | 6         | 2,86        | 0                      | 01/06/2021 | 13.096                                                                                            | 7         | 3,06        |                        | 0,20           | 1                                 | 01/06/2023                  |         |
| 3  | Phan Thị Nhuận                                                       |          | 1989 | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 2         | 2,67        | 0                      | 01/06/2020 | V.07.01.03                                                                                        | 3         | 3,00        |                        | 0,33           | 1                                 | 01/06/2023                  |         |
| 4  | Đinh Ngọc Hà                                                         |          | 1995 | Thạc sĩ             | 01.003                                                                                                   | 1         | 2,34        | 0                      | 16/04/2020 | 01.003                                                                                            | 2         | 2,67        |                        | 0,33           | 3                                 | 16/04/2023                  |         |
| 5  | Nguyễn Hữu Đường                                                     | 1975     |      | ĐT nghề             | 01.010                                                                                                   | 5         | 2,77        | 0                      | 19/05/2021 | 01.010                                                                                            | 6         | 2,95        |                        | 0,18           | 2                                 | 19/05/2023                  |         |
| 6  | Nguyễn Thị Dung                                                      |          | 1995 | Cao đẳng            | V.08.05.13                                                                                               | 1         | 1,86        | 0                      | 01/05/2021 | V.08.05.13                                                                                        | 2         | 2,06        |                        | 0,20           | 2                                 | 01/05/2023                  |         |

(Danh sách gồm có 06 người) *ML*

**DANH SÁCH NHÀ GIÁO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO ĐỘT 2, NĂM 2023**

(Kèm theo Thông báo số: **110** /TB-ĐHV, ngày **06** tháng **7** năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| STT | Họ và tên             | Đơn vị công tác                         | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Mã số chức danh nghề nghiệp | Phụ cấp TNNG hiện hưởng |            | Phụ cấp TNNG mới |            | Thời gian không tính hưởng PC TNNG |       | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------------------------------------|----------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|------------|------------------|------------|------------------------------------|-------|---------|
|     |                       |                                         |          |                     |                             | Mức % hiện hưởng        | Mốc tính   | Mức % mới        | Mốc tính   | Năm                                | Tháng |         |
| 1   | Võ Văn Đăng           | Khoa Giáo dục thể chất                  | 1982     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 12                      | 01/05/2022 | 13               | 01/05/2023 |                                    |       |         |
| 2   | Đậu Thị Bình Hương    | Khoa Giáo dục thể chất                  | 1973     | Thạc sĩ             | V.07.01.02                  | 24                      | 01/06/2022 | 25               | 01/06/2023 |                                    |       |         |
| 3   | Đinh Thị Mai Anh      | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ                  | 1990     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 7                       | 01/04/2022 | 8                | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 4   | Lê Thái Bình          | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ                  | 1976     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 19                      | 01/04/2022 | 20               | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 5   | Nguyễn Duy Bình       | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ                  | 1975     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 18                      | 01/04/2022 | 19               | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 6   | Nguyễn Thị Liên       | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ                  | 1974     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 22                      | 01/05/2022 | 23               | 01/05/2023 |                                    |       |         |
| 7   | Nguyễn Thị Thu Hiền   | Khoa Xây dựng                           | 1985     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 5                       | 04/05/2022 | 6                | 04/05/2023 |                                    |       |         |
| 8   | Nguyễn Thị Quỳnh      | Khoa Xây dựng                           | 1989     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 9                       | 01/06/2022 | 10               | 01/06/2023 |                                    |       |         |
| 9   | Nguyễn Thị Diệu Thùy  | Khoa Xây dựng                           | 1988     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 10                      | 06/06/2022 | 11               | 06/06/2023 |                                    |       |         |
| 10  | Trần Xuân Vinh        | Khoa Xây dựng                           | 1989     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 9                       | 01/06/2022 | 10               | 01/06/2023 |                                    |       |         |
| 11  | Hoàng Vĩnh Phú        | Phòng Đào tạo                           | 1978     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 14                      | 01/04/2022 | 15               | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 12  | Đào Quang Thắng       | Phòng Đào tạo                           | 1979     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 17                      | 01/04/2022 | 18               | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 13  | Nguyễn Lê Ái Vinh     | Phòng Đào tạo                           | 1974     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 15                      | 01/06/2022 | 16               | 01/06/2023 |                                    |       |         |
| 14  | Nguyễn Thị Hương      | Phòng Đào tạo Sau Đại học               | 1977     | Tiến sĩ             | V.07.01.01                  | 18                      | 01/04/2022 | 19               | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 15  | Mai Văn Chung         | Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế       | 1976     | Tiến sĩ             | V.07.01.01                  | 14                      | 01/06/2022 | 15               | 01/06/2023 |                                    |       |         |
| 16  | Nguyễn Xuân Dũng      | Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế       | 1975     | Tiến sĩ             | V.07.01.01                  | 19                      | 20/06/2022 | 20               | 20/06/2023 |                                    |       |         |
| 17  | Hoàng Thị Thúy Vân    | Trung tâm DV, HTSV và QHDN              | 1986     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 10                      | 16/06/2022 | 11               | 16/06/2023 |                                    |       |         |
| 18  | Võ Công Dũng          | Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục | 1980     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 16                      | 01/04/2022 | 17               | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 19  | Hồ Thị Diệu Ánh       | Trường Kinh tế                          | 1979     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 17                      | 01/04/2022 | 18               | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 20  | Đặng Thành Cương      | Trường Kinh tế                          | 1980     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 15                      | 01/04/2022 | 16               | 01/04/2023 |                                    |       |         |
| 21  | Nguyễn Thị Hạnh Duyên | Trường Kinh tế                          | 1981     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 17                      | 01/06/2022 | 18               | 01/06/2023 |                                    |       |         |
| 22  | Trương Thị Hoài       | Trường Kinh tế                          | 1988     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 10                      | 16/06/2022 | 11               | 16/06/2023 |                                    |       |         |
| 23  | Đỗ Thị Phi Hoài       | Trường Kinh tế                          | 1962     | Tiến sĩ             | V.07.01.01                  | 36                      | 01/04/2022 | 37               | 01/04/2023 |                                    |       |         |

|    |                       |                                    |      |         |            |    |            |    |            |  |  |  |
|----|-----------------------|------------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|--|--|--|
| 24 | Nguyễn Mai Hương      | Trường Kinh tế                     | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 5  | 01/06/2022 | 6  | 01/06/2023 |  |  |  |
| 25 | Đường Thị Quỳnh Liên  | Trường Kinh tế                     | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 16 | 01/04/2022 | 17 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 26 | Phan Thị Nhật Linh    | Trường Kinh tế                     | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 01/06/2022 | 10 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 27 | Lương Thị Quỳnh Mai   | Trường Kinh tế                     | 1990 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 20/05/2022 | 8  | 20/05/2023 |  |  |  |
| 28 | Trần Thị Lê Na        | Trường Kinh tế                     | 1983 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 15 | 01/04/2022 | 16 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 29 | Ngô Hồng Nhung        | Trường Kinh tế                     | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 6  | 16/06/2022 | 7  | 16/06/2023 |  |  |  |
| 30 | Thái Thị Kim Oanh     | Trường Kinh tế                     | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 17 | 01/04/2022 | 18 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 31 | Nguyễn Thị Tiếng      | Trường Kinh tế                     | 1981 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 14 | 14/04/2022 | 15 | 14/04/2023 |  |  |  |
| 32 | Cao Thị Thanh Vân     | Trường Kinh tế                     | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 01/06/2022 | 10 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 33 | Nguyễn Thị Hải Yến    | Trường Kinh tế                     | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/06/2022 | 16 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 34 | Nguyễn Thị Hoài An    | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 11/06/2022 | 10 | 11/06/2023 |  |  |  |
| 35 | Nguyễn Thị Mai Anh    | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1992 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 01/04/2022 | 8  | 01/04/2023 |  |  |  |
| 36 | Hắc Xuân Cảnh         | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 12 | 02/06/2022 | 13 | 02/06/2023 |  |  |  |
| 37 | Nguyễn Thị Thùy Dung  | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1988 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 16/06/2022 | 11 | 16/06/2023 |  |  |  |
| 38 | Hồ Thị Duyên          | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 13 | 02/06/2022 | 14 | 02/06/2023 |  |  |  |
| 39 | Nguyễn Thị Hà         | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 12 | 22/04/2022 | 13 | 22/04/2023 |  |  |  |
| 40 | Đinh Văn Liêm         | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 12 | 22/04/2022 | 13 | 22/04/2023 |  |  |  |
| 41 | Võ Thị Cẩm Ly         | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 19 | 01/06/2022 | 20 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 42 | Phùng Văn Nam         | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1979 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 11 | 01/02/2022 | 12 | 01/02/2023 |  |  |  |
| 43 | Nguyễn Thị Quỳnh Nga  | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 01/05/2022 | 7  | 01/05/2023 |  |  |  |
| 44 | Phạm Thị Huyền Sang   | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 12 | 22/04/2022 | 13 | 22/04/2023 |  |  |  |
| 45 | Nguyễn Thị Thanh      | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1983 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 12 | 01/06/2022 | 13 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 46 | Trần Thị Vân Trà      | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1983 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 12 | 01/06/2022 | 13 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 47 | Nguyễn Thị Thanh Trâm | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 01/06/2022 | 10 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 48 | Nguyễn Thị Lê Vinh    | Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 14/05/2022 | 8  | 14/05/2023 |  |  |  |
| 49 | Nguyễn Thị Bé         | Trường Mầm non thực hành           | 1986 | Thạc sĩ | V.07.02.04 | 12 | 01/04/2022 | 13 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 50 | Nguyễn Ngọc Bích      | Trường Sư phạm                     | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 19 | 01/06/2022 | 20 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 51 | Lê Thế Cường          | Trường Sư phạm                     | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 16 | 05/04/2022 | 17 | 05/04/2023 |  |  |  |
| 52 | Phạm Thị Hải Châu     | Trường Sư phạm                     | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 17 | 01/06/2022 | 18 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 53 | Lê Thị Sao Chi        | Trường Sư phạm                     | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 19 | 10/06/2022 | 20 | 10/06/2023 |  |  |  |
| 54 | Nguyễn Thị Khánh Chi  | Trường Sư phạm                     | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 11 | 01/06/2022 | 12 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 55 | Nguyễn Thị Ngọc Diệp  | Trường Sư phạm                     | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 13 | 01/05/2022 | 14 | 01/05/2023 |  |  |  |
| 56 | Trần Thị Gái          | Trường Sư phạm                     | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 22/06/2022 | 11 | 22/06/2023 |  |  |  |
| 57 | Đinh Thị Trường Giang | Trường Sư phạm                     | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 19 | 01/06/2022 | 20 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 58 | Lê Đức Giang          | Trường Sư phạm                     | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 19 | 01/06/2022 | 20 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 59 | Dương Xuân Giáp       | Trường Sư phạm                     | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 11 | 08/04/2022 | 12 | 08/04/2023 |  |  |  |

|    |                       |                                      |      |         |            |    |            |    |            |  |  |  |
|----|-----------------------|--------------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|--|--|--|
| 60 | Dương Thị Thanh Hải   | Trường Sư phạm                       | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 18 | 01/04/2022 | 19 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 61 | Nguyễn Thị Mỹ Hằng    | Trường Sư phạm                       | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 19 | 01/06/2022 | 20 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 62 | Nguyễn Thị Thanh Hiếu | Trường Sư phạm                       | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 01/04/2022 | 15 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 63 | Chu Văn Lanh          | Trường Sư phạm                       | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 19 | 15/06/2022 | 20 | 15/06/2023 |  |  |  |
| 64 | Chê Thị Hải Linh      | Trường Sư phạm                       | 1988 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 11/06/2022 | 10 | 11/06/2023 |  |  |  |
| 65 | Trần Thị Thúy Nga     | Trường Sư phạm                       | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 13 | 01/06/2022 | 14 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 66 | Mai Thị Thanh Nga     | Trường Sư phạm                       | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 17 | 05/06/2022 | 18 | 05/06/2023 |  |  |  |
| 67 | Nguyễn Thị Nhị        | Trường Sư phạm                       | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 19 | 01/06/2022 | 20 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 68 | Nguyễn Hữu Quang      | Trường Sư phạm                       | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 8  | 01/06/2022 | 9  | 01/06/2023 |  |  |  |
| 69 | Nguyễn Thị Xuân Quỳnh | Trường Sư phạm                       | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 01/05/2022 | 9  | 01/05/2023 |  |  |  |
| 70 | Nguyễn Văn Tuấn       | Trường Sư phạm                       | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 11 | 01/06/2022 | 12 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 71 | Nguyễn Thị Kim Thi    | Trường Sư phạm                       | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 06/05/2022 | 8  | 06/05/2023 |  |  |  |
| 72 | Nguyễn Thị Hoài Thu   | Trường Sư phạm                       | 1987 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 11/06/2022 | 10 | 11/06/2023 |  |  |  |
| 73 | Thái Mạnh Thủy        | Trường Sư phạm                       | 1978 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 17 | 01/06/2022 | 18 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 74 | Nguyễn Thị Việt       | Trường Sư phạm                       | 1985 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 22/06/2022 | 11 | 22/06/2023 |  |  |  |
| 75 | Lê Văn Vinh           | Trường Sư phạm                       | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 06/05/2022 | 8  | 06/05/2023 |  |  |  |
| 76 | Lê Quang Vượng        | Trường Sư phạm                       | 1973 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 15 | 01/04/2022 | 16 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 77 | Đậu Trọng Tuấn Anh    | Trường Tiểu học, THCS và THPT THSP   | 1990 | Thạc sĩ | V.07.03.09 | 5  | 01/04/2022 | 6  | 01/04/2023 |  |  |  |
| 78 | Nguyễn Lê Gia         | Trường Tiểu học, THCS và THPT THSP   | 1988 | Thạc sĩ | V.07.04.12 | 5  | 04/05/2022 | 6  | 04/05/2023 |  |  |  |
| 79 | Nguyễn Thị Bích Ngọc  | Trường Tiểu học, THCS và THPT THSP   | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 19 | 15/06/2022 | 20 | 15/06/2023 |  |  |  |
| 80 | Đinh Thị Nhân         | Trường Tiểu học, THCS và THPT THSP   | 1981 | Đại học | V.07.04.11 | 19 | 01/04/2022 | 20 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 81 | Văn Đình Tiến         | Trường Tiểu học, THCS và THPT THSP   | 1983 | Thạc sĩ | V.07.04.12 | 6  | 20/04/2022 | 7  | 20/04/2023 |  |  |  |
| 82 | Trương Thị Lệ Thủy    | Trường Tiểu học, THCS và THPT THSP   | 1979 | Thạc sĩ | V.07.04.11 | 20 | 01/04/2022 | 21 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 83 | Nguyễn Thị Vân        | Trường Tiểu học, THCS và THPT THSP   | 1978 | Thạc sĩ | V.07.04.11 | 20 | 01/04/2022 | 21 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 84 | Nguyễn Thị Chung      | Trường THPT Chuyên                   | 1984 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 6  | 16/04/2022 | 7  | 16/04/2023 |  |  |  |
| 85 | Phạm Xuân Chung       | Trường THPT Chuyên                   | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 18 | 01/03/2022 | 19 | 01/03/2023 |  |  |  |
| 86 | Nguyễn Thị Đức Hiền   | Trường THPT Chuyên                   | 1985 | Tiến sĩ | V.07.05.15 | 10 | 01/04/2022 | 11 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 87 | Phan Xuân Hoài        | Trường THPT Chuyên                   | 1978 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 18 | 01/04/2022 | 19 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 88 | Lê Khánh Hưng         | Trường THPT Chuyên                   | 1983 | Tiến sĩ | V.07.05.14 | 15 | 01/04/2022 | 16 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 89 | Hoàng Thị Minh Thắng  | Trường THPT Chuyên                   | 1976 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 18 | 01/04/2022 | 19 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 90 | Nguyễn Thị Quỳnh Xuân | Trường THPT Chuyên                   | 1980 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 14 | 01/04/2022 | 15 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 91 | Đậu Đức Anh           | Văn phòng Đảng - HĐT- ĐT             | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 7  | 02/06/2022 | 8  | 02/06/2023 |  |  |  |
| 92 | Nguyễn Anh Chương     | Văn phòng Đảng - HĐT- ĐT             | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 10 | 01/06/2022 | 11 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 93 | Cao Tiên Trung        | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 19 | 01/06/2022 | 20 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 94 | Nguyễn Tiến Dũng      | Viện Kỹ thuật và Công nghệ           | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 17 | 15/04/2022 | 18 | 15/04/2023 |  |  |  |
| 95 | Lưu Văn Phúc          | Viện Kỹ thuật và Công nghệ           | 1963 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 27 | 01/04/2022 | 28 | 01/04/2023 |  |  |  |

|     |                   |                                       |      |         |            |    |            |    |            |  |  |  |
|-----|-------------------|---------------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|--|--|--|
| 96  | Đặng Thái Sơn     | Viện Kỹ thuật và Công nghệ            | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 01/02/2022 | 15 | 01/02/2023 |  |  |  |
| 97  | Trần Đình Du      | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên        | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 14 | 01/06/2022 | 15 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 98  | Võ Thị Thu Hà     | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên        | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 16/06/2022 | 11 | 16/06/2023 |  |  |  |
| 99  | Nguyễn Hữu Hiền   | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên        | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 12 | 15/04/2022 | 13 | 15/04/2023 |  |  |  |
| 100 | Nguyễn Anh Dũng   | Viện Nghiên cứu và Đào tạo Trực tuyến | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 01/04/2022 | 15 | 01/04/2023 |  |  |  |
| 101 | Phạm Thị Hương    | Viện Nghiên cứu và Đào tạo Trực tuyến | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 11 | 01/06/2022 | 12 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 102 | Trần Xuân Sang    | Viện Nghiên cứu và Đào tạo Trực tuyến | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 12 | 01/06/2022 | 13 | 01/06/2023 |  |  |  |
| 103 | Nguyễn Công Thành | Viện Nghiên cứu và Đào tạo Trực tuyến | 1974 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/06/2022 | 16 | 01/06/2023 |  |  |  |

(Danh sách gồm có 103 người) 